TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **17**/2025/DS-ST*
Ngày 07 tháng 5 năm 2025
"V/v tranh chấp hợp đồng cầm cố"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hà và bà Nguyễn Thị Hồng

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa***:** Ông Đỗ Văn Quân – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 372/2024/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng cầm cố"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 372/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 372/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Công ty cổ phần S**

Trụ sở: Số A N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật: Ông K – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Hoài V**, sinh năm: 1991. Địa chỉ liên hệ: Số E L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Theo Quyết định số 441/2024/UQ-SVN ngày 01/01/2024, có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Trương Hữu M**, sinh năm 1988

Địa chỉ thường trú: Số C L, tổ A, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26 tháng 9 năm 2024, các Bản tự khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Võ Hoài V trình bày:

Theo Giấy đăng ký kinh doanh chúng tôi đã đăng ký thì Công ty Cổ phần S (sau đây gọi là Công ty) hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực cầm cố tài sản.

Vào ngày 08/02/2021, ông Trương Hữu M có đến chi nhánh Đ 1 của Công ty tại địa chỉ: Số E L, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng để ký hợp đồng cầm cố tài sản. Cụ thể theo Hợp đồng số: DNM210201011NA15X được ký giữa các bên ngày

08/02/2021, số đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký quốc gia: 1405436026 thì ông Trương Hữu M có cầm cố tài sản là 01 xe máy biển kiểm soát 43D1-614.88; Loại xe LEAD 125ccFi; màu đen; Số khung: RLHJF4518FY163839; Số máy JF45E0928253; Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 000229 do Công an thành phố Đ cấp ngày 11/01/2021 để lấy số tiền 18.000.000 đồng; thời hạn cầm cố tài sản là 18 tháng (từ ngày 08/02/2021 đến ngày 08/08/2022) với mức lãi suất là 1,1%/tháng.

Thực hiện hợp đồng, Công ty đã giải ngân đầy đủ số tiền cho ông Trương Hữu M. Do nhu cầu có xe đi lại hàng ngày nên Công ty có ký giấy cho ông Trương Hữu M mượn lại xe để sử dụng. Trong Giấy mượn xe có quy định rõ thời hạn mượn xe từ ngày 08/02/2021-08/08/2022; địa điểm trả xe là tại Chi nhánh Đ. Ông Trương Hữu M có cam kết rõ trong Giấy mượn xe.

Quá trình trả nợ, ông Trương Hữu M chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận tại hợp đồng cho Công ty C. Đến nay đã quá hạn hợp đồng (trễ hạn 1267 ngày) nhưng ông M không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty chúng tôi. Nhân viên Công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và trực tiếp đến nhà ông Trương Hữu M nhưng đều không gặp. Do vậy, Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện tại Tòa án yêu cầu:

- Buộc ông Trương Hữu M phải thanh toán số tiền 35.814.000 đồng, bao gồm: Tiền gốc là 17.366.115 đồng; Lãi suất cố định 1.944.499 đồng; Phí thẩm định tài sản: 7.071.324 đồng; Phí trễ hạn: 9.432.062 đồng.

- Ngoài ra, ông Trương Hữu M còn phải chịu lãi suất, phí phát sinh theo Hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kể từ ngày 26/09/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Trường hợp ông Trương Hữu M không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Công ty CP S Có Ngay có quyền xử lý đối với tài sản cầm cố là 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 43D1-614.88; Loại xe LEAD 125ccFi; màu đen; Số khung: RLHJF4518FY163839; Số máy JF45E0928253 theo Hợp đồng cầm cố tài sản, kèm theo Giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh Đ 1 – Công ty TNHH S1 (Nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) số DNM210201011NA15X ngày 08/02/2021.

Ngày 28/3/2025, Toà án nhận được Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo uỷ quyền cho nguyên đơn – Ông Võ Hoài V. Theo đó, nguyên đơn – Công ty CP S Tiền Có Ngay rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý đối với tài sản sản cầm cố là 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 43D1-614.88; Loại xe LEAD 125ccFi; màu đen; Số khung: RLHJF4518FY163839; Số máy JF45E0928253 theo Hợp đồng cầm cố tài sản, kèm theo Giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh Đ 1 – Công ty TNHH S1 (Nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) số DNM210201011NA15X ngày 08/02/2021 và số tiền Phí thẩm định tài sản : 7.071.324 đồng (4.0% / tháng)

Bị đơn ông Trương Hữu M đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo

quy định nhưng ông M không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay và cũng không đến Tòa án để giải quyết vụ việc.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

- Công ty S Có Ngay yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông Trương Hữu M phải thanh toán khoản nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/05/2025) tổng số tiền là 37.943.641 đồng (Ba mươi bảy triệu chín trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi mốt đồng), bao gồm: Gốc : 17.366.115 đồng; Lãi suất cố định: 1.944,499 đồng (1.1% / tháng); Phí trễ hạn (Phí trả chậm): 11.561,704 đồng (150% lãi suất cố định x số ngày trễ hạn)

- Buộc ông Trương Hữu M phải tiếp tục trả phí phạt trễ hạn phát sinh trên số tiền gốc theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kể từ ngày 08/05/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Bị đơn – ông Trương Hữu M đã được triệu tập để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng ông M vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn tự nguyện rút; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty Cổ phần S, buộc bị đơn – ông Trương Hữu M phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng cầm cố tài sản mà hai bên đã ký kết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã niêm yết các văn bản tố tụng và Giấy triệu tập cho bị đơn – ông Trương Hữu M đến Tòa án để lấy lời khai, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự. Tuy nhiên, ông M đều vắng mặt và không có lý do gì về việc vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai và hòa giải về nội dung tranh chấp trong vụ án.

Tại phiên tòa, bị đơn – ông Trương Hữu M vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Ngày 28/3/2025, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có Đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về trường hợp ông Trương Hữu M không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Công ty CP S Có Ngay có quyền xử lý đối với tài sản cầm cố là 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 43D1-614.88; Loại xe LEAD 125ccFi; màu đen; Số khung: RLHJF4518FY163839; Số máy JF45E0928253 theo Hợp đồng cầm cố tài sản, kèm theo Giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh Đ 1 – Công ty TNHH S1 (Nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) số DNM210201011NA15X ngày 08/02/2021 và yêu cầu khởi kiện đối với số tiền Phí thẩm định tài sản: 7.071.324 đồng.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét tính hợp pháp của Hợp đồng cầm cố số: DNM210201011NA15X được ký giữa các bên ngày 08/02/2021 và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, do hai bên tự nguyện giao kết nên các hợp đồng này là hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã cam kết trong các hợp đồng.

Mặc dù ông Trương Hữu M vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty CP S Có Ngay. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng cầm cố số DNM210201011NA15X được ký giữa các bên ngày 08/02/2021 mà ông Trương Hữu M ký kết với Công ty CP S Có Ngay để cầm cố tài sản là 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 43D1-614.88; Loại xe LEAD 125ccFi; màu đen; Số khung: RLHJF4518FY163839; Số máy JF45E0928253 với mục đích vay số tiền 18.000.000 đồng để phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh với lãi suất cố định 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế; Phí thẩm định tài sản là 4%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; P đăng ký và xoá giao dịch đảo bảo là 150.000 đồng/lần (thu 01 lần). Theo thỏa thuận tại Hợp đồng, ông M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty CP S Tiền Có Ngay trong tiền kỳ hàng tháng với số tiền 1.551.885,42 đồng vào ngày 08 hàng tháng (từ tháng 03/2021 đến tháng 08/2022). Sau khi ký hợp đồng cầm cố, cùng ngày 08/02/2021 Công ty CP S có ngay và ông Trương Hữu M ký kết Giấy uỷ quyền. Theo đó, ông Trương Hữu M uỷ quyền cho Công ty CP

S Có Ngay thay mặt ông M quản lý, sử dụng, định đoạt (cho thuê, bán) chiếc xe nêu trên, đồng thời do ông M không có phương tiện đi lại nên Công ty CP S Có Ngay cho ông M mượn chiếc xe máy đã cầm cố trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 08/02/2021 theo Giấy mượn xe ký cùng ngày 08/02/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng, theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký, Công ty CP S Có Ngay đã giải ngân cho ông Trương Hữu M đủ số tiền vay là 18.000.000 đồng. Về phía ông Trương Hữu M, sau khi được giải ngân đã thực hiện thanh toán được 01 kỳ với tổng số tiền là 1.552.000 đồng. Từ ngày 09/04/2021 đến nay, ông Trương Hữu M không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Công ty CP S Có Ngay theo thỏa thuận trong hợp đồng mặc dù Công ty đã nhiều lần nhắc nhở. Như vậy, ông M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán hàng tháng quy định tại Hợp đồng cầm cố đã ký. Tại phiên tòa, Công ty CP S yêu cầu Hội đồng xét xử buộc ông Trương Hữu M phải thanh toán khoản nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/05/2025) tổng số tiền là 30.872.371 đồng bao gồm: Gốc: 17.366.115 đồng; Lãi suất cố định: 1.944,499 đồng (1.1% / tháng); Phí trễ hạn (Phí trả chậm): 11.561,704 đồng (150% lãi suất cố định x số ngày trễ hạn) và buộc ông Trương Hữu M phải tiếp tục trả phí phạt trễ hạn phát sinh trên số tiền gốc theo thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kể từ ngày 08/05/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật tại các Điều 280, 309, 310, 311, 357 Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những phân tích và đánh giá trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Vì chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông Trương Hữu M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 117, 280, 309, 310, 311, 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay về trường hợp ông Trương Hữu M không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Công ty CP S Có Ngay có quyền xử lý đối với tài sản cầm cố là 01 chiếc xe máy biển kiểm soát 43D1-614.88; Loại xe LEAD 125ccFi; màu đen; Số khung: RLHJF4518FY163839; Số máy

JF45E0928253 theo Hợp đồng cầm cố tài sản, kèm theo Giấy mượn xe đã ký với Chi nhánh Đ 1 – Công ty TNHH S1 (Nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) số DNM210201011NA15X ngày 08/02/2021 và yêu cầu khởi kiện đối với số tiền về Phí thẩm định tài sản: 7.271.902 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng cầm cố"* của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với Ông Trương Hữu M.

Xử:

1. Buộc ông Trương Hữu M phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay khoản nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/05/2025) tổng số tiền là 30.872.371 đồng bao gồm: Gốc: 17.366.115 đồng; Lãi suất cố định: 1.944,499 đồng; Phí trễ hạn (Phí trả chậm): 11.561,704 đồng.

Buộc ông Trương Hữu M phải tiếp tục trả phí phạt trễ hạn phát sinh trên số tiền gốc theo mức phí phạt trễ hạn thỏa thuận tại Hợp đồng cầm cố tài sản đã ký kể từ ngày 08/05/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Trương Hữu M phải chịu là 1.543.616 đồng.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 895.350 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007018 ngày 11 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân Q. Hải Châu;*
- *Chi cục THADS Q. Hải Châu;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Minh Thông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiê**